TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng cho con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trần Đông

2. Ông Hoàng Sĩ Thạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Gia Nghi, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Kiên Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2026/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2026, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 134/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị T, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp C, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Đề nghị xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp C, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt không lý do

- *Con chung:*

Cháu Lâm Thị Tuyết N, sinh ngày 04/5/2012

Cháu Lâm Thị Ngọc G, sinh ngày 02/8/2014

Cháu Lâm Thị Nhã U, sinh ngày 25/8/2018

Cháu Lâm Thị Ngọc Nữ sinh ngày 12/3/2006

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 08/04/2026 nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày, yêu cầu :

Về hôn nhân, bà và ông Lâm Văn Đ quen biết nhau, được hai bên gia đình chấp thuận, tiến đến hôn nhân và có đăng kí kết hôn tại UBND xã D (nay là UBND phường D) vào ngày 24/12/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà về sinh sống tại ấp C, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể cùng nhau tự giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà nhận thấy hạnh phúc trong hôn nhân không có, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể cùng nhau chung sống lâu dài nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung, bà và ông Đ có 04 con chung tên Lâm Thị Ngọc Nữ sinh ngày 12/3/2006, Lâm Thị Tuyết N sinh ngày 04/5/2012, Lâm Thị Ngọc G, sinh ngày 02/8/2014, Lâm Thị Nhã U sinh ngày 25/8/2018. Lâm Thị Ngọc Nữ nay đã trưởng thành, còn Lâm Thị Tuyết N, Lâm Thị Ngọc G, Lâm Thị Nhã U chưa trưởng thành nên bà yêu cầu được nuôi và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng/1 người con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày, yêu cầu:

Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì khi còn sống chung thường xuyên bị ông Đ đánh đập nguyên nhân do kiếm chuyện ghen vô cớ, trong khi bà không làm gì sai để phải bị đánh nên không mong muốn đoàn tụ.

Bà vẫn giữ yêu cầu nuôi con chung Lâm Thị Tuyết N sinh ngày 04/5/2012, Lâm Thị Ngọc G sinh ngày 02/8/2014 và Lâm Thị Nhã U sinh ngày 25/8/2018 và thay đổi phần cấp dưỡng là chỉ yêu cầu cấp dưỡng đối với Lâm Thị Ngọc G và Lâm Thị Nhã U, mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng/một người con đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Riêng Lâm Thị Tuyết N tuy chưa thành niên nhưng đã đi làm có thu nhập tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu cấp dưỡng. Đối với Lâm Thị Ngọc Nữ sinh ngày 12/3/2006 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu.

Tài sản chung, lúc còn sống chung có nhà ở được cất trên đất của mẹ anh Đ toạ lạc ấp C, xã Đ và một số vật dụng sinh hoạt gia đình nhưng toàn bộ tài sản này bà không yêu cầu chia hoặc tranh chấp khi ly hôn, đồng ý giao cho anh Đ sở hữu toàn bộ.

Nợ chung không có nên không yêu cầu.

Tại buổi tiếp xúc ngày 07/05/2026, các cháu Lâm Thị Nhã U, Lâm Thị Ngọc G, Lâm Thị Tuyết N trình bày nguyện vọng như sau:

Cháu tên Lâm Thị Nhã U sinh ngày 25/8/2018, là con của cha tên Lâm Văn Đ và mẹ tên Ngô Thị T, cháu đang học lớp 2 tại Trường T2, sống chung nhà

ông bà ngoại cùng với mẹ và dì T1, không có ở chung cha nên khi cha mẹ ly dị (ly hôn) cháu yêu cầu ở chung với mẹ.

Cháu tên Lâm Thị Ngọc G sinh ngày 02/8/2014, là con của cha tên Lâm Văn Đ và mẹ tên Ngô Thị T, cháu học hết lớp 5 thì đã nghỉ học, hàng ngày sống chung nhà ông bà ngoại cùng với mẹ và dì T1. Nhưng mẹ đi làm nên có dì T1 chăm sóc các cháu, khi cha mẹ ly dị (ly hôn) cháu yêu cầu ở chung với mẹ.

Cháu tên Lâm Thị Tuyết N sinh ngày 04/5/2012, là con của cha tên Lâm Văn Đ và mẹ tên Ngô Thị T, cháu học hết lớp 6 thì nghỉ học và đi làm thuê cùng Công ty với mẹ ở Bình Dương (nay là TP .), khi cha mẹ ly dị (ly hôn) cháu vẫn yêu cầu ở chung với mẹ.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn thì không chấp hành, vắng mặt không lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phân tích nội dung vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116, 117 luật hôn nhân và gia đình; Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án quy định.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị T. Chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Lâm Văn Đ.

Về con chung: Giao con chung tên Lâm Thị Tuyết N sinh ngày 04/5/2012; Lâm Thị Ngọc G sinh ngày 02/8/2014 và Lâm Thị Nhã U sinh ngày 25/8/2018 cho chị Ngô Thị T tiếp tục nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của 03 con chung).

Cấp dưỡng: Buộc Anh Lâm Văn Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Lâm Thị Ngọc G, sinh ngày 02/8/2014; Lâm Thị Nhã U, sinh ngày 25/8/2018 số tiền 1.500.000 đồng/người/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng. Anh Lâm Văn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Ngô Thị T khởi kiện ông Lâm Văn Đ về yêu cầu ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Ông Đ có nơi cư trú tại ấp C, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long thụ lý, giải quyết, xác định quan hệ pháp luật và xác định tư cách đương sự là đúng quy định.

[2] Sự vắng mặt tại phiên tòa của bà Ngô Thị T là có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, riêng ông Lâm Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ các điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại đơn khởi kiện và các lời khai của đương sự cho thấy, bà T và ông Đ kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn, được thể hiện tại Giấy Chứng nhận kết hôn số 210, Quyển số 06 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là UBND phường D, tỉnh Vĩnh Long) (bút lục 08) nên hôn nhân của hai người là hợp pháp.

[4] Bà T cho rằng không còn tình cảm yêu thương chồng và không còn sống chung, không thể hàn gắn nên kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn. Trước khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã có thông báo hoà giải nhằm tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ mà ông Đ vắng mặt nên không hoà giải được, đồng thời có động viên, giải thích, thuyết phục bà T hàn gắn tình nghĩa vợ chồng mà không thành. Nhận thấy, ông Đ vắng mặt và không có văn bản phản đối hoặc đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình trong vụ án, tại thời điểm xét xử hai người không còn sống chung, mỗi người có cuộc sống, công việc riêng, điều này thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn không thể hàn gắn, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận cho bà T ly hôn với ông Đ.

[5] Xét con chung chưa thành niên cháu Lâm Thị Tuyết N, Lâm Thị Ngọc G, Lâm Thị Nhã U.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T vẫn giữ yêu cầu nuôi 03 con chung chưa thành niên, yêu cầu mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng/một con và thay đổi phần yêu cầu cấp dưỡng đối với Lâm Thị Tuyết N.

Nhận thấy, qua giấy khai sinh thể hiện các cháu đủ từ 07 tuổi trở lên (bút lục 05, 06, 07), có ý kiến trình bày nguyện vọng yêu cầu ở với bà T (bút lục 32 và 33) và việc bà T thay đổi phần yêu cầu cấp dưỡng đối với Lâm Thị Tuyết N và giữ nguyên mức yêu cầu cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng/một người con là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật. Đối với ông Đ vắng mặt và không có văn bản phản đối hoặc đưa ra yêu cầu của mình, tuy vậy tại lời trình bày của bà Trịnh Thị P là mẹ ông Đ xác nhận tại thời điểm xét xử ông Đ có việc làm, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng (bút lục 38, 39). Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, nguyện vọng của các cháu, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Lâm Thị Tuyết N, Lâm Thị Ngọc G, Lâm Thị Nhã U cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn, đồng thời có cơ sở buộc ông Lâm Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

1.500.000 đồng/tháng/một người đối với Lâm Thị Ngọc G, Lâm Thị Nhã U đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8/2026. Riêng cháu Lâm Thị Ngọc Nữ S ngày 12/3/2006 (bút lục 04) là đã thành niên và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nên không giải quyết.

[6] Quyền tài sản chung, bà T khai xác nhận không yêu cầu chia hoặc tranh chấp khi ly hôn, ông Đ vắng mặt mà không có văn bản phản đối hoặc đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình nên không giải quyết.

[7] Nghĩa vụ tài sản chung, bà T khai xác nhận không có, ông Đ vắng mặt mà không có văn bản phản đối hoặc đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình nên không giải quyết.

[8] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký và đối với việc giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng quy định và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 53, 56, 57, 58, 82, 83, 107, 108 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T.

1. Về hôn nhân:

Cho bà Ngô Thị T ly hôn với ông Lâm Văn Đ

2. Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung:

Giao cháu Lâm Thị Tuyết N sinh ngày 04/5/2012, cháu Lâm Thị Ngọc G sinh ngày 02/8/2014, cháu Lâm Thị Nhã U sinh ngày 25/8/2018 cho bà Ngô Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, nguyện vọng của các cháu (đủ 07 tuổi) yêu cầu được ở với bà T. Đối với Lâm Thị Ngọc Nữ sinh ngày 12/3/2006 đã thành niên và có khả năng lao động nên không giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con, buộc ông Lâm Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con chưa thành niên 1.500.000 đồng/tháng/một người con (tổng cộng số tiền

cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng) đến khi cháu Lâm Thị Ngọc G, cháu Lâm Thị Nhã U đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng là từ tháng 8/2026.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quyền tài sản chung (tài sản chung): Đương sự không yêu cầu chia hoặc tranh chấp khi ly hôn nên không giải quyết.

4. Về nghĩa vụ tài sản chung (nợ chung): Không có, không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Ngô Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0006344 ngày 08/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp tiếp.

Buộc ông Lâm Văn Đ chịu án phí cấp dưỡng cho con 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71 và Điều 72 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 14 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã/phường nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kim Thị Hồng Nga